


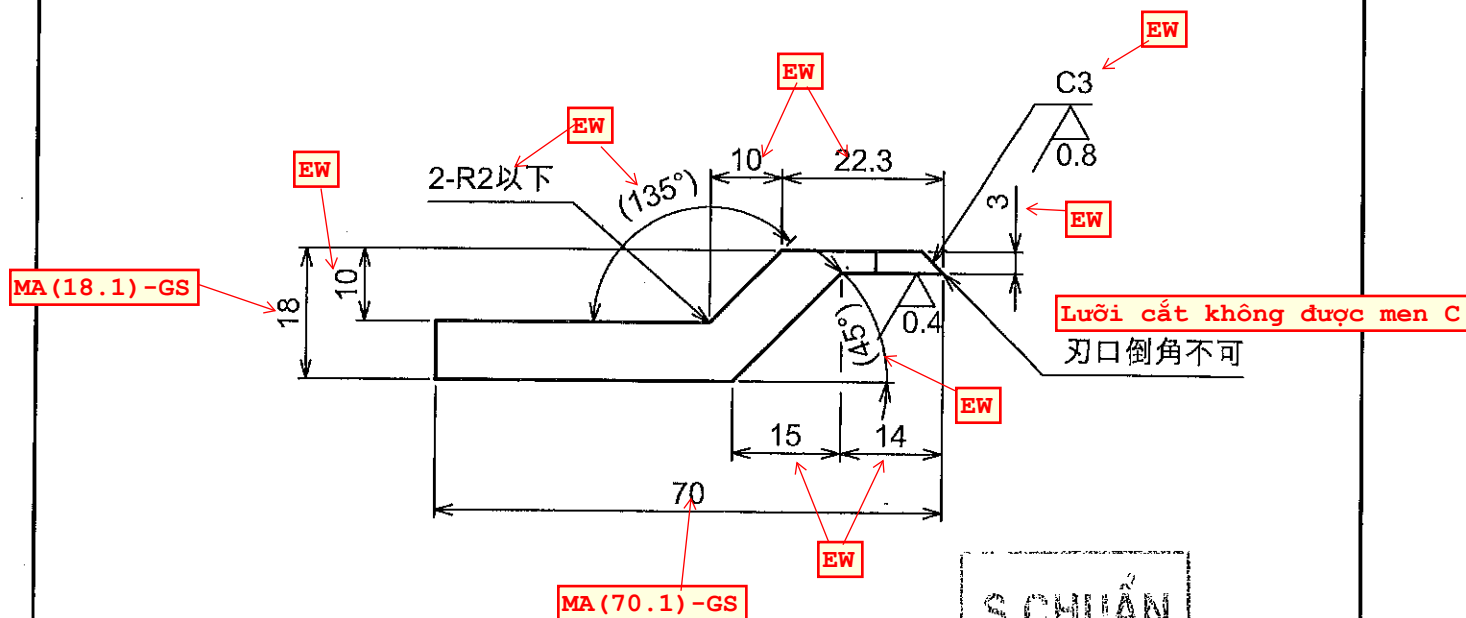
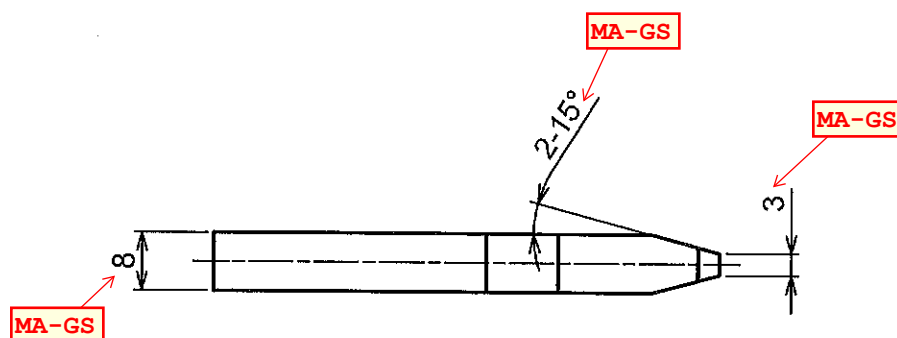


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF No	DWN	CHKD	CUTTING TOLERANCE	
Init.	2014/05/27	新规设计	<div>XUẤT BẢN VẼ</div> <div>BẢN VẼ DÙNG</div> <div>CHÈ TẮC - NGHIỆM THU</div> <div>HỦY SAU KHI HOÀN TẤT</div> <div>ĐỒ NOT COPY</div> <div>2023.11.14</div> <div>P.QLKTSX VDM</div>			0.5 ≤ , ≤ 6	± 0.1
						6 < , ≤ 30	± 0.2
						30 < , ≤ 120	± 0.3
						120 < , ≤ 400	± 0.5
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-1	
			FINISH MARKS				

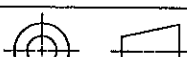
$$6.3 \text{ } \nabla \text{ } (0.8 \text{ } \nabla \text{ } 0.4 \text{ } \nabla)$$

指示外全C0.3

AF



SCHUEN

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Xie_Jiang_Hua	Zhang_Hong_Liang	部品図		カッター刃
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		CUTTING EDGE
HRC 58°~ 61°		部品図		切削刀刃
		部品図		切削刀刃
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
SKD11	2014/05/27	1:1		S942287

SNO: **S942287**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 T8*23*75	AA:15 MA:25 HT:40 GS:30 EW:90 AF:20